

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 12/2005/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 2 năm 2005

THÔNG TƯ

***Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 81/2004/TT-BTC ngày
13/08/2004
của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 147/2004/NĐ-CP ngày
23/07/2004
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế thu nhập
đối với người có thu nhập cao***

Căn cứ Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao số 35/2001/PL-UBTVQH10 ngày 19/05/2001; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao số 14/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/03/2004;

Căn cứ Nghị định số 147/2004/NĐ-CP ngày 23/07/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/07/2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông số 81/2004/TT-BTC ngày 13/08/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 147/2004/NĐ-CP ngày 23/07/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao như sau:

I. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỂM CỦA THÔNG TƯ SỐ 81/2004/TT-BTC NGÀY 13/08/2004 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Điểm 1.3 Mục I được sửa đổi như sau:

"1.3. Người nước ngoài có thu nhập tại Việt Nam bao gồm: Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, văn hóa, xã Hội, các văn phòng đại diện, các chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam các cá nhân hành nghề độc lập tại Việt Nam".

2. Điểm 1.1.4 Mục II được sửa đổi như sau:

"1.1.4. Đối với người nước ngoài được coi là không cư trú tại Việt Nam, thu nhập chịu thuế là tổng thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi nhận thu nhập ở Việt Nam hay ở nước ngoài.

Người nước ngoài được coi là cư trú tại Việt Nam nếu ở tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính cho 12 tháng liên tục kể từ khi đến Việt Nam; được coi là không cư trú tại Việt Nam nếu ở tại Việt Nam dưới 183 ngày."

3. Điểm 3.2.2. Mục III được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3.2.2. Cơ quan chi trả thu nhập không có hoạt động sản xuất kinh doanh thì thực hiện kê khai, nộp thuế tại Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trường hợp cơ quan chi trả thu nhập đóng tại địa bàn cấp huyện, thị xã thì kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế nơi đóng trụ sở".

4. Điểm 3.4 Mục III được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3.4. Thời hạn kê khai, nộp thuế:

Thời hạn nộp tờ khai cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 10 và nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước chậm nhất vào ngày 25 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

Việc xác định ngày nộp thuế thu nhập được thực hiện như sau:

Đối với trường hợp nộp thuế bằng chuyển khoản qua ngân hàng thì ngày nộp thuế là ngày Ngân hàng, tổ chức tín dụng ký xác nhận trên giấy nộp tiền.

Đối với trường hợp nộp thuế bằng tiền mặt thì ngày nộp thuế là ngày Kho bạc Nhà nước nhận tiền thuế hoặc ngày cơ quan thuế cấp Biên lai, cụ thể:

- Trường hợp nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước: chứng từ nộp thuế là "Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước bằng tiền mặt", ngày nộp thuế là ngày Kho bạc Nhà nước nhận tiền và ghi trên giấy nộp tiền.